

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1862/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13/6/2023

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Lượng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Thanh Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 3171/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2445/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 1973

Thường trú: Đường L, Phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cư trú: Hoa Kỳ (có đơn xin vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Vương Thanh S, sinh năm 1970

Thường trú: Đường L, Phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Đường P, Khu phố M, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông S tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 13/11/1998. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường. Một thời gian ngắn sau hôn nhân vợ chồng bắt đầu xuất hiện mâu thuẫn do không hợp nhau từ tính cách tới quan điểm sống. Từ năm 2007 trở đi, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong hôn nhân, rất ít khi nói chuyện với nhau và thậm chí sống không chung phòng như ly thân. Khoảng thời gian đó, bà N sống chung nhà với ông S chỉ để nuôi dạy con cái chứ tình cảm vợ chồng đã không còn. Năm 2015, bà N đã từng nộp đơn yêu cầu ly hôn với

ông S nhưng sau đó Tòa đã trả lại đơn, yêu cầu về tự hòa giải. Thời điểm đó do các con còn nhỏ và bà N quá bận rộn với công việc nên bà N chưa nộp đơn lại. Đến năm 2019, bà N đi Mỹ đến nay và chỉ về Việt Nam vào cuối năm 2022 để nộp đơn ly hôn. Trong khoảng thời gian về Việt Nam, bà N vừa ở nhà mẹ đẻ, vừa ở căn hộ chung với ông S vì đây là tài sản chung vợ chồng và bà N cũng vì thăm nom, chăm sóc các con. Đôi khi bà N có nói chuyện, trao đổi với ông S nhưng chỉ đơn thuần về vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Nay, bà N xác định tình cảm, quan hệ vợ chồng từ lâu đã không còn nên bà N tiếp tục khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông S để giải thoát về mặt pháp lý và cũng để có cuộc sống riêng tư không bị ràng buộc.

Về con chung: Bà N và ông S có 02 con chung tên Vương Trúc L, sinh ngày 15/01/2000 và Vương Khánh L, sinh ngày 14/3/2007. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Vương Khánh L và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung tên Vương Khánh L. Riêng con chung tên Vương Trúc L đã thành niên.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Bị đơn ông Vương Thanh S trình bày:

Ông S và bà N có đăng ký kết hôn vào năm 1998 tại Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn trong cuộc sống, bà N xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là không đúng. Nguyên nhân bà N yêu cầu ly hôn là để hợp thức hóa cho việc sau này nếu có điều kiện thì xin định cư bên Mỹ. Ông S thấy việc ly hôn này không đúng với truyền thống và đạo đức. Do 02 con đều đang du học tại Mỹ nên vợ chồng có khoảng cách về địa lý, tuy nhiên tình cảm vợ chồng không thay đổi. Vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau. Ông S muốn giữ quan hệ gia đình bình thường để không ảnh hưởng đến các con nên không đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông S và bà N có 02 con chung tên Vương Trúc L, sinh ngày 15/01/2000 và Vương Khánh L, sinh ngày 14/3/2007. Trường hợp phải ly hôn, ông S đồng ý để bà N nuôi dưỡng cháu Vương Khánh L, bà N không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung tên Vương Khánh L. Riêng con chung tên Vương Trúc L đã thành niên.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

3. Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh N xin vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như sau: Về quan hệ hôn nhân: Bà N yêu cầu được ly hôn với ông S vì tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung: Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Vương Khánh L và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung tên Vương Khánh L. Riêng con chung tên Vương Trúc L đã thành niên. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Vương Thanh S vẫn giữ nguyên ý kiến, không đồng ý ly hôn vì vợ chồng không có mâu thuẫn, chỉ có xa cách về địa lý nhưng vẫn thường xuyên gọi điện thoại hỏi thăm nhau. Mục đích của việc bà N ly hôn là để được định cư tại Mỹ. Ông S

muốn giữ gia đình theo truyền thống và cho các con; Về con chung: Trường hợp phải ly hôn, ông S đồng ý để bà N nuôi dưỡng cháu Vương Khánh L, bà N không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung tên Vương Khánh L. Riêng con chung tên Vương Trúc L đã thành niên. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

4.1 Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời, quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

4.2 Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, cùng lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Quỳnh N yêu cầu được ly hôn với ông Vương Thanh S. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bà N đang ở Việt Nam. Bị đơn ông S đang cư trú tại thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp là ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Nguyên đơn bà N có đơn xin được vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của bà N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Quỳnh N và ông Vương Thanh S tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 3 cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 119, quyền số 01/1998. Do đó, căn cứ Điều 5, Điều 6 và Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông S là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông S vì tình cảm, quan hệ vợ chồng đã không còn. Ông S không đồng ý ly hôn vì vợ chồng không có mâu thuẫn, chỉ có xa cách về địa lý nhưng vẫn thường xuyên gọi điện

thoại hỏi thăm nhau. Bà N muốn ly hôn là để được định cư tại Mỹ. Ông S muốn giữ gia đình theo truyền thống và cho các con.

Xét thấy, theo lời trình bày của các đương sự cũng như theo Văn bản số 483/QLXNC-P5 ngày 17/02/2023 và Văn bản số 1180/QLXNC – P5 ngày 18/4/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của bà N và ông S thì bà N thường xuyên sinh sống tại nước ngoài, ông S thường xuyên sinh sống tại Việt Nam. Do đó, vợ chồng có khoảng cách về địa lý, không thường xuyên chung sống với nhau. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 14/3/2023 (được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Houston, Hoa Kỳ chứng thực), bà N xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, bà N cần ly hôn để giải thoát về mặt pháp lý, để có cuộc sống riêng tư không bị ràng buộc. Hơn nữa, năm 2015, bà N đã nộp đơn ly hôn với ông S. Sau đó, bà N rút đơn ly hôn nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Ông S cho rằng bà N muốn ly hôn là để định cư tại Mỹ nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Từ các điều này cho thấy giữa bà N và ông S đã có mâu thuẫn chứ không phải không có mâu thuẫn như lời trình bày của ông S.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quan hệ hôn nhân, việc đoàn tụ gia đình và hàn gắn mâu thuẫn phải xuất phát từ sự tự nguyện của cả vợ và chồng. Ông S tuy có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng bà N không đồng ý. Mục đích ông S không đồng ý ly hôn vì muốn giữ gia đình theo truyền thống và cho các con, chứ không phải xuất phát từ tình yêu thương với bà N. Ngoài ra, theo các kết quả xác minh của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an thì bà N và con chung thường xuyên cư trú tại Hoa Kỳ, thỉnh thoảng về Việt Nam thăm gia đình, còn ông S thì cư trú tại Việt Nam. Vợ chồng sinh sống ở 02 nước khác nhau. Ông S không thể thay đổi hoàn cảnh sống hiện tại giữa ông S và bà N. Như vậy, khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình giữa bà N và ông S không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[2.2] Về con chung:

Căn cứ Giấy khai sinh số 14, quyển số 01/2000, đăng ký ngày 31/01/2000 và số 40, quyển số 01/2007, đăng ký ngày 29/3/2007 tại Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 3, bà N và ông S có 02 con chung tên Vương Trúc L, sinh ngày 15/01/2000, đã thành niên và Vương Khánh L, sinh ngày 14/3/2007.

Hiện con chung tên Vương Khánh L đang học tập và cư trú tại Hoa Kỳ cùng với bà N. Cháu Khánh Linh có nguyện vọng được chung sống với bà N. Đồng thời, ông S cũng đồng ý để bà N nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vương Khánh L. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và cũng theo nguyện vọng của con, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 5, Điều 6 và Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986;
- Căn cứ Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh N.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Quỳnh N và ông Vương Thanh S.

1.2 Về con chung: Bà Nguyễn Thị Quỳnh N và ông Vương Thanh S có 02 con chung tên Vương Trúc L, sinh ngày 15/01/2000 và Vương Khánh L, sinh ngày 14/3/2007.

Giao con chung tên Vương Khánh L cho bà Nguyễn Thị Quỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Quỳnh N không yêu cầu ông Vương Thanh S cấp dưỡng nuôi con chung tên Vương Khánh L.

Riêng con chung tên Vương Trúc L đã thành niên.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

1.3 Về tài sản chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Đương sự xác định không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Quỳnh N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0007409 ngày 19/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Quỳnh N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Quỳnh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Ông Vương Thanh S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- VKSND TP. Thủ Đức, TPHCM;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức, TPHCM;
- Đương sự;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Châu